

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 17/5/2021
V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng

Ông Nguyễn Quang Liêu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng:** không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 122/HNGĐ-ST, ngày 29 tháng 3 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 19/2021/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim P, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: khu H, T.tr Đ, huyện B, tỉnh P

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Hoàng V, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 4, xã K, huyện B, tỉnh P.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2021 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim P trình bày: Chị P và anh Trịnh Hoàng V tự nguyện chung sống, kết hôn năm 2013, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh P; chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình, lối sống vợ chồng không hợp, anh V sống không có trách nhiệm với vợ con, chị P bị bệnh anh V không thông cảm chia sẻ, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm; từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có lời lẽ xúc phạm lẫn nhau; không thể tiếp tục chung sống nên chị P và anh V đã sống ly thân từ cuối

năm 2020 liên tục đến nay; không có sự quan tâm, chăm sóc gì nhau, phần ai nấy sống; hiện nay chị P thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng anh V nên chị P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Hoàng V.

Về con chung: có 01 cháu họ tên Trịnh Bảo N, sinh ngày 09/9/2013; sau ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Trịnh Hoàng V qua lời khai trình bày: Anh Trịnh Hoàng V và chị Lê Thị Kim P tự nguyện chung sống, kết hôn năm 2013, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh P; chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống vợ chồng không hợp; sau đó 02 tháng anh V đã sửa đổi bỏ qua quan điểm sống của anh, mong muốn được đoàn tụ gia đình nhưng chị P không đồng ý và sống ly thân từ tháng 11/2020 liên tục đến nay; Hiện nay anh V mong muốn được đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn.

Về con chung : có 01 cháu họ tên Trịnh Bảo N, sinh ngày 09/9/2013; nếu ly hôn anh V đồng ý cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh con chung, ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim P và anh Trịnh Hoàng V tự nguyện chung sống kết hôn năm 2013, tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh P phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký kết hôn mà chị P giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim P và anh Trịnh Hoàng V là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị P và anh V đều thừa nhận giữa anh V và chị P có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, sống ly thân từ tháng 11/2020 liên tục đến nay; hiện nay chị P không đồng ý trở lại đoàn tụ

cùng anh V, chị thấy không còn tình cảm, anh V không có thiện chí hàn gắn mà vẫn thường xuyên có những lời nói, hành động là tổn thương chị, hiện nay anh chị vẫn sống ly thân, chị không đồng ý chung sống cùng anh V, cương quyết yêu cầu được ly hôn. Qua lời khai người làm chứng xác định được chị P, anh V có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay đang sống ly thân. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị P và anh V là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[2] Về con chung: có 01 cháu họ tên Trịnh Bảo N, sinh ngày 09/9/2013; qua lời khai anh V, chị P thống nhất nếu ly hôn thì chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Qua lời khai cháu Trịnh Bảo N cháu có nguyện vọng được chung sống với mẹ và hiện nay cháu cũng đang được chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy ý kiến của anh V, chị P là tự nguyện, hợp pháp, để cháu N tiếp tục ổn định cuộc sống, sinh hoạt, học tập cần giao cháu cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên; về cấp dưỡng nuôi con, chị P không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị P phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị Kim P được ly hôn với anh Trịnh Hoàng V.

[2] Về con chung: Giao cháu Trịnh Bảo N, sinh ngày 09/9/2013 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền thăm nom con chung,

không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo qui định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim P nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 016109, ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THÙY LINH

